

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Số: 01/2026/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Giang, ngày 14 tháng 3 năm 2026



Ký bởi: TRUNG
TÂM CÔNG
BÁO - TIN HỌC
Ngày ký: 30-03-
2026 13:56:03
+07:00

NGHỊ QUYẾT
Sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất lần đầu tỉnh An Giang
áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo
Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất lần đầu tỉnh An Giang áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất lần đầu tỉnh An Giang áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 15 ban hành kèm theo Quy định Bảng giá đất lần đầu tỉnh An Giang áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 3 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang khóa X, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 14 tháng 3 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Nhân

Phụ lục
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT ĐẶC KHU PHÚ QUỐC
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 14 tháng 03 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

1. Sửa đổi số thứ tự 62, 69,72,96,127,133,134 tại Phụ lục 15 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	62	Từ ngã ba đường đi Bãi Sao đến Mũi chùa Hang Yên	6.300	Bổ sung giá đất
2	69	Từ ngã ba UBND xã Gành Dầu cũ – Ngã ba đường đi Mũi Dương	7.000	Sửa lỗi biên tập tên đoạn đường
3	72	Từ UBND xã Gành Dầu cũ – đường ra khu TĐC Gành Dầu (đường Hùng Tiền)	2.800	Sửa lỗi biên tập tên đoạn đường
4	96	Từ ngã ba đường Cây Kè - Đường tuyến tránh 2	3.500	Sửa lỗi biên tập tên đoạn đường
5	127	Từ ngã 3 đường đi cầu Cháy (trụ sở khu phố cây Thông Trong) đến giáp giao lộ Bến Tràm	1.600	Sửa lỗi biên tập giá đất
6	133	Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m (trừ khu vực Dương Đông, khu vực An Thới)	806	Sửa lỗi biên tập tên đoạn đường
7	134	Các tuyến đường khác có nền đường < 3m (trừ khu vực Dương Đông, khu vực An Thới)	689	Sửa lỗi biên tập tên đoạn đường

2. Bổ sung số thứ tự 136, 137 vào Phụ lục 15 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND như sau:

Số TT	Số TT PL15 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
1	136	Các tuyến đường khác có nền đường $\geq$ 3m khu vực Dương Đông, khu vực An Thới	5.000	Bổ sung đoạn đường
2	137	Các tuyến đường khác có nền đường $<$ 3m khu vực Dương Đông, khu vực An Thới	4.000	Bổ sung đoạn đường

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đơn vị hành chính (xã, phường, đặc khu)	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
1	Vị trí bãi biển thuộc Khu vực Dương Đông, An Thới, giới hạn từ bờ biển vào sâu 200m	Đất trồng cây lâu năm	450	Bổ sung giới hạn từ bờ biển vào sâu 200m
		Đất trồng cây hàng năm	381	
		Đất nuôi trồng thủy sản	450	
2	Vị trí bãi biển Khu vực còn lại (trừ khu vực các đảo nhỏ còn lại), giới hạn từ bờ biển vào sâu 200m	Đất trồng cây lâu năm	420	Bổ sung giới hạn từ bờ biển vào sâu 200m
		Đất trồng cây hàng năm	356	
		Đất nuôi trồng thủy sản	420	